



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi [www.flashcardo.com/vi](http://www.flashcardo.com/vi). Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

### Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập [www.flashcardo.com/vi](http://www.flashcardo.com/vi) để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

### Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

## In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

## Cơ bản



én

te

ő  
férfi

ő  
nő

ez/az

mi  
mi/ti/ők

ti

ők

mi  
kérdés

ki

hol

miért

hogyan

melyik

mikor

akkor

ha

igazán

de

mert

nem  
ne

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

ez

az

minden  
általános

vagy

és

itt

ott

bal

jobb

most

délután

délelőtt

éjjel

reggel

este

dél  
idő

éjfél

óra  
idő

perc

másodperc

nap  
idő

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

hét

hónap

év

tegnap

ma

holnap

hétfő

kedd

szerda

csütörtök

péntek

szombat

vasárnap

nő

férfi

szeretet

barát  
szeretet

barátnő

barát  
általános

csók

szex

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

gyermek

lány  
általános

fiú  
általános

anyu

apu

anya

apa

szülők

fiú  
rokon

lány  
rokon

húg

öcs

nővér  
rokon

báty

férj

feleség

minden  
emberek

mindig

valójában

ismét

már

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

kevesebb

legtöbb

több

semmi

nagyon

kint

bent

messze

közel

alul

felett

mellett

elől

hátral

mindenki

együtt

más

tavas

nyár

ősz

tél

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

január

február

március

április

május

június

július

augusztus

szeptember

október

november

december

észak

kelet

dél  
hely

nyugat

gyakran

azonnal

hirtelen

habár

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số



nulla

egy

kettő

három

négy

öt

hat

hét

nyolc

kilenc

tíz

tizenegy

tizenkettő

tizenhárom

tizennégy

tizenöt

tizenhat

tizenhét

tizennyolc

tizenkilenc

húsz

|    |    |    |
|----|----|----|
| 2  | 1  | 0  |
| 5  | 4  | 3  |
| 8  | 7  | 6  |
| 11 | 10 | 9  |
| 14 | 13 | 12 |
| 17 | 16 | 15 |
| 20 | 19 | 18 |

huszonegy

huszonkettő

huszonhat

harminc

harmincegy

harminchárom

harminchét

negyven

negyvenegy

negyvennégy

negyvennyolc

ötven

ötvenegy

ötvenöt

ötvenkilenc

hatvan

hatvanegy

hatvankettő

hatvanhat

hetven

hetvenegy

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

hetvenhárom

hetvenhét

nyolcvan

nyolcvanegy

nyolcvannégy

nyolcvannyolc

kilencven

kilencvenegy

kilencvenöt

kilencvenkilenc

száz

százegy

százöt

száztíz

százötvenegy

kétszáz

kétszázkettő

kétszázhat

kétszázhusz

kétszázhatvankettő

háromszáz

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

háromszázhárom

háromszázhét

háromszázharminc

háromszázhetvenhárom

négyszáz

négyszáznégy

négyszáznyolc

négyszáznegyven

négyszáznyolcvannégy

ötszáz

ötszázöt

ötszázkilenc

ötszázötven

ötszázkilencvenöt

hatszáz

hatszázegy

hatszázhat

hatszáztizennyhat

hatszázhatvan

hétszáz

hétszázketty

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

hétszázhet

hétszázhuszonhét

hétszázhetven

nyolcszáz

nyolcszázhárom

nyolcszáznyolc

nyolcszázharmincnyolc

nyolcszáznyolcvan

kilencszáz

kilencszáznég

kilencszázkilenc

kilencszáznegyvenkilenc

kilencszázkilencven

ezer

ezeregy

ezertizenkettő

ezerkétszázharmincnég

kétezer

kétezerkettő

kétezerhuszonhárom

kétezerháromszáznegyvenöt

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

háromezer

háromezerhárom

négyezer

négyezernegyvenöt

ötezer

ötezerhatszázhetvennyolc

hatezer

hétezer

hétezernyolcszázkilencven

nyolcezer

nyolcezerkilencszázegy

kilencezer

kilencezerkilencven

tízezer

tízezeregy

húszezerhús

harmincezerháromszáz

negyvennégyezer

százezer

ötszázezer

egymillió

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

hatmillió

tízmillió

hetvenmillió

százmillió

nyolcszázmillió

egymilliárd

kilencmilliárd

tízmilliárd

húszmilliárd

százmilliárd

háromszázmilliárd

egybillió

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

## Động từ



tudni

gondolkodni

jönni

rakni

vinni

találni

hallgatni

dolgozni

beszélni

adni

kedvelni

segíteni

szeretni

felhívni

várni

állni

ülni

zárni

nyitni

vesztíteni

nyerni

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

meghalni

élni

bekapcsolni

kikapcsolni

ölni

megsérülni

megérinteni

nézni

inni

enni

járni

találkozni

fogadni

csókolni

követni

házasodni

válaszolni

kérdezni

húzni

tolni

megnyomni

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

megütni

elkapni

harcolni

dobni

futni

olvasni

írni

megjavítani

számolni

vágni

eladni

vásárolni

fizetni

tanulni

álmodni

aludni

játszani

ünnepelni

élvezni

tisztítani

lőni

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

megvédeni

támadni

lopni

égni

megmenteni

repülni

ködni

rúgni

harapni

lélegezni

szagolni

sírni

énekelni

mosolyogni

nevetni

nőni

zsugorodni

vitatkozni

megosztani

etetni

elbújni

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhớ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

figyelmeztetni

úszni

ugrani

emelni

ásni

szállítani

keresni  
valami

gyakorolni

utazni

festeni

kinyitni

bezárni

mosni

imádkozni

főzni

hányni

kiáltani

idézni

nyomtatni

kiszámolni

keresni  
pénz

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ



új

régi

kevés

sok

helytelen

helyes

rossz

jó

boldog

rövid

hosszú

kicsi

nagy

szép

fiatal

öreg

fehér

fekete

piros

kék

zöld

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

sárga

lassú

gyors

vicces

igazságtalan

igazságos

nehéz  
vizsga

könnyű  
vizsga

gazdag

szegény

erős

gyenge

biztonságos

fáradt

büszke

jóllakott

beteg  
melléknév

egészséges

dühös

alacsony  
általános

magas  
általános

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

édes

savanyú

puha

kemény

aranyos

hülye

őrült

elfoglalt

magas  
személy

alacsony  
személy

aggódó

meglepődött

illedelmes

gonosz

okos

hideg

forró

narancs  
szín

szürke

barna  
barna

rózsaszín

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

unalmas

nehéz  
súly

könnyű  
súly

magányos

éhes

szomjas

szomorú

meredek

lapos

szűk

széles

mély

sekély

hatalmas

piszkos

tiszta

teli

üres

drága

olcsó

szexi

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

dốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

lusta

bátor

nagylelkű

nedves

száraz

hangos

halk

napos

esős

ködös

felhős

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao



torna

tenisz

futás

kerékpározás

golf

labdarúgás

kosárlabda

úszás

búvárkodás

túrázás

maraton

triathlon

asztalitenisz

súlyemelés

ökölvívás

tollaslabda

műkorcsolya

snowboard

síelés

sífutás

jégchoki

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

röplabda

kézilabda

strandröplabda

rögbi

krikett

baseball

amerikai futball

vízilabda

műugrás

szörfözés

vitórlázás

evezés

jóga

táncolás

ejtőernyőzés

sakk

póker

bowling

balett

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật



disznó

tehén

ló

kutya

juh

majom

macska

medve

csirke

kacsa

pillangó

méh

hal  
állat

pók

kígyó

tigris

egér  
állat

nyúl

oroszlán

szamár

elefánt

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

galamb

bogár

szúnyog

légy

hangya

bálna

cápa

delfin

csiga

béka

óriáspanda

jegesmedve

farkas

koala

kenguru

zsiráf

róka

víziló

denevér

holló

hattyú

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

sirály

bagoly

pingvin

papagáj

hernyó

szitakötő

tintahal

polip

csikóhal

fóka

medúza

rák  
állat

dinoszaurusz

teknős

krokodil

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia



Európa

Ázsia

Amerika

Afrika

Egyesült Királyság

Spanyolország

Svájc

Olaszország

Franciaország

Németország

Thaiföld

Szingapúr

Oroszország

Japán

Izrael

India

Kína

Amerikai Egyesült Államok

Mexikó

Kanada

Chile

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brazília

Argentína

Dél-Afrika

Nigéria

Marokkó

Líbia

Kenya

Algéria

Egyiptom

Új-Zéland

Ausztrália

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể



fej

orr

haj

száj

fül

szem

kéz

lábfej

szív

agy

nyak

fenék

váll

térd

láb

kar

has

kebel

hát

fog

nyelv

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

ajak

ujj

lábujj

gyomor

tüdő

máj

ideg

vese

bél

homlok

áll

orca

szakáll

hüvelykujj

kisujj

gyűrűsujj

középső ujj

mutatóujj

köröm

sarok

gerinc

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

izom

csont  
test

csontváz

borda

csigolya

húgyhólyag

véna

artéria

hüvely

sperma

pénisz

here

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà



ajtó

konyha

fürdőszoba

nappali

hálószoba

kert

garázs

fal

pince

vécé

lépcső

tető

ablak  
épület

kés

csésze  
forró

pohár

tányér

csésze  
hideg

szemetes

tál

íróasztal

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

ágy

tükör

zuhany

kanapé

kép

óra  
karóra

asztal

szék

szomszéd

lift

erkély

padlás

kémény

fakanál

evőpálcika

evőeszköz

kanál

villa

merőkanál

fazék

serpenyő

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

villanykörte

könyvespolc

függöny

matrac

párna

takaró

polc

fiók

ruhásszekrény

vödör

seprű

mérleg

szennyekosár

fürdőkád

fürdőlepedő

szappan

vécépapír

törülköző

mosdó

létra

postaláda

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

kerítés



hàng rào

Thức ăn



tojás

sajt

tej

hal  
étel

hús

csont  
étel

olaj

kenyér

cukor

csokoládé

cukorka

torta

víz

kávé

tea

sör

bor

saláta

leves

desszert

reggeli

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

ebéd

vacsora

pizza

jégkrém

vaj

joghurt

tonhal

lazac

sonka

szalonna

kolbász

pulykahús

csirkehús

marhahús

sertéshús

bárányhús

sütőtök

gomba

szarvasgomba

fokhagyma

póréhagyma

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

gyömbér

padlizsán

édesburgonya

sárgarépa

uborka

chili

paprika

hagyma

burgonya

karfiol

káposzta

brokkoli

fejes saláta

spenót

bambusz  
étel

kukorica

zeller

borsó

bab

körte

alma

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

olajbogyó

füge

datolya

kókuszdió

mandula

mogyoró

földimogyoró

banán

mangó

kivi

avokádó

ananász

görögdinnye

szőlő

sárgadinnye

málna

áfonya

eper

cseresznye

szilva

sárgabarack

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dưa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

őszibarack

citrom

grépfrút

narancs  
étel

paradicsom

menta

citromfű

fahéj

vanília

só

bors

curry

dohány

tofu

ecet

tészta

szójatej

liszt

rizs

zab

búza

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

szója

dió

méz

lekvár

rágógumi

amerikai palacsinta

aprósütemény

puding

muffin

fánk

energiaital

narancslé

almalé

tejturmix

kóla

forró csokoládé

koktél

rum

whisky

vodka

menü

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

tenger gyümölcsei

spagetti

sushi

pattogatott kukorica

chips

csirkeszárnyak

hasábburgonya

mustár

majonéz

paradicsom szósz

szendvics

hot dog

burger

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học



könyv

könyvtár

házi feladat

vizsga

tanóra

tudomány

történelem

művészet

toll

ceruza

első

második

harmadik

negyedik

kutatás

tudományos fokozat

sportpálya

szótár

időszak

fűzet

geometria

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

politika

filozófia

közgazdaságtan

testnevelés

biológia

matematika

földrajz

irodalom

kémia

fizika

vonalzó

radír

olló

ragasztószalag

ragasztó

golyóstoll

gemkapocs

három százalék

száz százalék

nulla százalék

köbméter

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

négyzetméter

mérföld

méter

milliméter

centiméter

deciméter

összeadás

kivonás

szorzás

osztás

terület

térfogat

téglalap

négyzet

háromszög

kör

liter

milliliter

tonna

kilogramm

gramm

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

mágnes

mikroszkóp

tölcsér

laboratórium

előadás

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên



hamu

tűz

gyémánt

hold

nap  
univerzum

csillag

bolygó

tengerpart

tó

erdő

sivatag

domb

szikla

folyó

völgy

hegy

sziget

óceán

tenger

jég

hó

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

vihar

eső

szél

fa

fű

rózsa

virág

fém

föld  
növény

láva

szén

homok

agyag

rakéta

műhold

galaxis

kisbolygó

kontinens

egyenlítő

Déli-sark

Északi-sark

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

patak

esőerdő

barlang

vízesés

part

gleccser

földrengés

kráter

vulkán

légkör

árvíz

köd

szivárvány

mennydörgés

villám

zivatar

hőmérséklet

tájfün

hurrikán

felhő

ág

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

levél  
növény

gyökér

törzs

mag  
növény

műanyag

szén-dioxid

atom

vas

oxigén

arany

ezüst

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

## Giao thông



autó

busz

vonat

vasútállomás

buszmegálló

repülő

hajó

teherautó

bicikli

motorbicikli

taxi

közlekedési lámpa

parkoló

út

akkumulátor

motor

légzsák

kormánykerék

biztonsági öv

gumiabroncs

hátsó csomagtartó

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

jegyautomata

jegypénztár

metró

gyorsvonat

mozdony

villamos

iskolabusz

minibusz

repülőtér

légitársaság

helikopter

első osztály

turista osztály

business osztály

mentőmellény

konténer

tengeralattjáró

luxushajó

konténerhajó

jacht

komp

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

kikötő

mentőcsónak

radar

utcai lámpa

járda

benzinkút

építkezés

zebra

forgalmi dugó

autópálya

tank

kotrógép

traktor

utánfutó

robogó

felvonó

ra đa

xuồng cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-móc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố



kórház

iskola

ház

számla

piac

szupermarket

lakás

egyetem

tanya

templom  
Európa

étterem

bár

edzőterem

park

WC

térkép

mentőszolgálat

rendőrség

tűzoltók

ország

külváros

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

falu

garancia

bevásárlóközpont

gyógyszertár

felhőkarcoló

kastély

nagykövetség

zsinagóga

templom  
Ázsia

gyár

mecset

városháza

posta

szökőkút

diszkó

pad

golfpálya

futballstadion

úszómedence  
épület

teniszpálya

turista információ

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

kaszinó

képtár

múzeum

nemzeti park

ajándéktárgy

akvárium

vízi csúszda

hullámvasút

csúszdapark

állatkert

játszótér

vészkijárat  
épület

tűzjelző

tűzoltó készülék

rendőrállomás

állam

régió

főváros

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện



baleset

beteg  
személy

műtét

tabletta

láz

köhögés

sürgősségi

intenzív osztály

váróterem

aszpirin

altató tablettá

lejáratí dátum

dózis

köhögés elleni gyógyszer

mellékhatás

inzulin

por

kapszula

vitamin

fájdalomcsillapító

antibiotikum

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

baktérium

vírus

szívroham

hasmenés

cukorbetegség

agyvérzés

asztma

rák  
betegség

influenza

fogfájás

leégés

torokfájás

gyomorfájás

fertőzés

allergia

görcs

fejfájás

fecskendő

mankó

röntgenfelvétel

ultrahangkészülék

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quỵ

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

ragtapasz

kerekesszék

gipszkötés

pulzus

sérülés

vészhelyzet

agyrázkódás

égés

törés

fogamzásgátló tabletta

terhességi teszt

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

## Nghề nghiệp



doktor

nővér  
kórház

rendőr

elnök

kapitány

nyomozó

pilóta

professzor

tanár

ügyvéd

titkárnő

asszisztens

bíró

menedzser

szakács

taxisofőr

buszsofőr

modell

művész

miniszterelnök

gyógyszerész

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

tűzoltó

fogorvos

vállalkozó

politikus

programozó

légiutas kísérő

tudós

óvónő

építész

könyvelő

tanácsadó

ügyész

főigazgató

testőr

háziúr

pincér

biztonsági őr

katona

halász

takarító

vízvezeték szerelő

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

villanyszerelő

gazda

recepció

postás

pénztáros

fodrász

író

újságíró

fényképész

vizimentő

énekes

zenész

színész

riporter

edző

játékvezető

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh



pénz

iroda

stressz

biztosítás

alkalmazottak

osztály

fizetés

cím

levél  
posta

telefonszám

url

e-mail cím

weboldal

e-mail

aláírás

veszteség

nyereség

ügyfél

összeg

hitelkártya

jelszó

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

bankautomata

adó

tárgyaló

névjegykártya

informatika

emberi erőforrások

jogi osztály

könyvelés

marketing

eladás

kolléga

munkaadó

alkalmazott

jegyzet

prezentáció

dosszié

bélyegző

vetítógép

csomag  
posta

bélyeg

boríték

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

böngésző

befektetés

tőzsde

bankjegy

érme

kamat

hitel

számlaszám

bankszámla

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị



telefon

TV készülék

kamera

rádió

ventilátor

léghkondicionáló

kávéfőző

kenyérpirító

porszívó

hajszáritó

vízforraló

mosogatógép

tűzhely

sütő

mikrohullámú sütő

hűtőszekrény

mosógép

távírányító

fülhallgató

egér  
technológia

billentyűzet

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

merevlemez

USB kulcs

szkenner

nyomtató

képernyő

laptop

robot

hangszóró

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt